TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 124 /2017/HSST
Ngày : 29/9/ 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa*: Ông Nguyễn Triều Châu.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Huy Giáp và ông Doãn Đức Hùng.
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Nhung - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.
- ***Đại diện VKSND huyện Trảng Bom - tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà***: Ông Trìu A Sám - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở TAND huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số : 117/ 2017/ TLST-HS ngày 06/9/2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L, sinh năm 1972 tại Đồng Nai; Đăng ký HKTT và cư trú tại: Xóm 4, khu 3, ấp AB , xã T H , huyện T B , tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Học vấn: 3/12; con ông Nguyễn Văn Đ(chết), và bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1939; Có vợ: Phạm Thị Xuân T, sinh năm 1974, Có 04 con, Con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 23/5/2017, (có mặt).

***Người bị hại:** Ông Vũ Đình Đ, sinh năm 1965. Trú tại: khu 3, ấp HB, xã H Th, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, (có mặt).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị Hạnh Th, sinh năm 1974. Trú tại: khu 3, ấp HB, xã H Th, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom truy tố về hành vi phạm tội như sau: Bị cáo Nguyễn Văn L và ông Vũ Đình Đ có mối quan hệ quen biết với nhau. Khoảng cuối năm 2016 bị cáo có cho ông Đ mượn 02 lần tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), lãi suất bị cáo và ông Đ thỏa thuận bằng miệng, ông Đ đã trả được cho bị cáo 05 tháng tiền lãi thì không trả lãi nữa và nhiều lần bị cáo yêu cầu ông Đ trả tiền gốc nhưng ông Đ mới trả được 3.000.000đ tiền gốc. Số tiền nợ gốc còn lại bị cáo nhiều lần yêu cầu ông Đ trả nhưng ông Đ tránh mặt không chịu trả. Khoảng 11 giờ ngày 09/4/2017, bị cáo

L gặp ông Đ và anh V (anh V là em trai bị cáo) tại km số 07 đường Đ H , thuộc xóm 3, khu 5, ấp H B , xã Đ H, huyện Trảng Bom. Bị cáo yêu cầu ông Đ trả số tiền nợ gốc còn thiếu lại nhưng ông Đ không trả, bị cáo nói ông Đ để xe mô tô biển số 18S8-4741 lại và chiều mang tiền đến trả cho bị cáo rồi lấy xe về, ông Đ không đồng ý. Quá bức xúc nên bị cáo dùng tay và chân đánh vào người ông Đ, ông Đ bỏ xe lại và chạy đi cách bị cáo khoảng 50 mét, anh V thấy ông Đ bỏ chạy nên mới gọi ông Đ quay lại nói chuyện với bị cáo L cho rõ ràng về thời gian trả nợ, khi ông Đ quay lại thì L cầm cục gạch (kích thước 10 x 10cm) ở dưới đất ném về phía ông Đ nhưng không trúng (cục gạch bị vỡ ra), ông Đ hoảng sợ bỏ đi và để xe mô tô biển số 18S8-4741 lại. Bị cáo gọi đối tượng tên Đ(không rõ lai lịch) là người làm thuê cho L mang xe mô tô về nhà L tại ấp A B, xã Tr H, huyện T B .

Ngày 10/4/2017, ông Đ đã làm đơn tố cáo bị cáo L đến công an huyện Trảng Bom, bị cáo đã giao nộp xe mô tô biển số 18S8-4741 cho công an huyện Trảng Bom để trả lại cho ông Đ.

Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản thuộc UBND huyện Trảng Bom kết luận xe mô tô 18S8-4741 trị giá 6.300.000đ.

Tại cáo trạng số 128/CT/VKS-HS, ngày 06/9/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội "Cướp tài sản" theo khoản 1 điều 133- Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Trảng Bom giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm vì bị cáo đã có hành vi dùng vũ lực đối với ông Vũ Đình Đ để chiếm đoạt xe mô tô biển số 18S8-4741. Nhưng xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo nhất thời phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng, thiệt hại xảy ra không lớn vì tài sản là chiếc xe mô tô biển số 18S8-4741 đã thu hồi và trả cho người bị hại, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và hiện các con của bị cáo còn nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội.

Đối với anh Nguyễn Văn V không có hành vi giúp sức cho bị cáo nên không xử lý. Đối với đối tượng tên Đ (không rõ lai lịch) nên không có cơ sở xử lý.

- Về vật chứng: Chiếc xe mô tô biển số 18S8-4741 là tài sản chung của ông Vũ Đình Đ và bà Nguyễn Thị Hạnh Th (vợ ông Đ). Công an huyện Trảng Bom đã trả lại xe mô tô biển số 18S-4741 cho ông Vũ Ngọc Đ nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Buộc bị cáo chịu án phí theo quy định.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh luận tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra, thể hiện: Xuất phát từ việc ông Đ không trả tiền nợ cho bị cáo nên khoảng 11 giờ ngày 09/4/2017 bị cáo Nguyễn Văn L đã có hành vi dùng vũ lực đối với ông Vũ Đình Đ để chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển số 18S-4741 tại địa phận ấp H B , xã Đ H , huyện T B , tỉnh Đồng Nai là có thật. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận: bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Cướp tài sản" theo quy định tại khoản 1 điều 133 Bộ luật hình sự.

[1] Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của ông Vũ Đình Đ được pháp luật công nhận và bảo vệ, hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an xã hội nên cần có mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[2] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt vì chưa có tiền án, tiền sự; Xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy, trong vụ án này người bị hại có một phần lỗi là không trả nợ số tiền đã vay mượn cho bị cáo, bị cáo nhất thời phạm tội, thiệt hại do bị cáo gây ra không lớn vì tài sản là chiếc xe mô tô biển số 18S8-4741 đã thu hồi trả cho người bị hại; Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và hiện các con của bị cáo còn nhỏ, người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo vì nguyên nhân xảy ra vụ án cũng do 01 phần lỗi của người bị hại. Xét thấy bị cáo không thuộc đối tượng cần phải nghiêm trị theo quy định tại khoản 2 điều 3 Bộ luật hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Căn cứ Điều 2 NQ số 01/2013/NQ-HĐTP về việc hướng dẫn áp dụng điều 60 BLHS ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Các điểm g, p khoản 1, khoản 2 điều 46; Khoản 1, khoản 2 điều 60 BLHS có đủ điều kiện xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng được hưởng án treo là có căn cứ.

[3] Các biện pháp tư pháp đã xử lý xong nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Văn L phạm tội "Cướp tài sản".

Áp dụng khoản 1 điều 133; điểm g, p khoản 1, khoản 2 điều 46, khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05(năm) năm kể từ ngày tuyên án (29/9/2017).

Giao bị cáo cho UBND xã T H , huyện T B , tỉnh Đ N theo dõi, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi

nơi cư trú, làm việc thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2.Áp dụng điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Triều Châu

Nơi nhận
- Bị cáo, Bị hại, người liên quan;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Cơ quan điều tra;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- THADS huyện;
- Lưu h/s, án văn.